

●140. ÔN TẬP VỀ PHÂN SỐ

A – MỤC TIÊU

Giúp HS củng cố về đọc, viết, rút gọn, quy đồng mẫu số, so sánh các phân số.

B – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

GV tổ chức, hướng dẫn cho HS làm bài rồi chữa các bài tập. Chẳng hạn :

Bài 1 : HS tự làm rồi chữa bài. Khi chữa bài, GV yêu cầu HS đọc các phân số mới viết được.

Bài 2 : HS tự làm bài rồi chữa bài. Lưu ý HS, khi rút gọn phân số phải nhận được phân số tối giản, do đó nên tìm xem tử số và mẫu số cùng chia hết cho số lớn nhất nào. Chẳng hạn, với phân số $\frac{18}{24}$ ta thấy :

– 18 chia hết cho 2, 3, 6, 9, 18.

– 24 chia hết cho 2, 3, 4, 6, 8, 12, 24.

– 18 và 24 cùng chia hết cho 2, 3, 6 trong đó 6 là số lớn nhất.

$$\text{Vậy : } \frac{18}{24} = \frac{18 : 6}{24 : 6} = \frac{3}{4}.$$

Bài 3 : HS tự làm bài rồi chữa bài.

Khi HS chữa bài, GV nên giúp HS tìm mẫu số chung (MSC) bé nhất. Chẳng hạn : Để tìm MSC của các phân số $\frac{5}{12}$ và $\frac{11}{36}$, bình thường ta chỉ việc lấy tích

235

của 12×36 , nhưng nếu nhận xét thì thấy $36 : 12 = 3$, tức là $12 \times 3 = 36$, do đó nếu chọn 36 là MSC thì việc quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{5}{12}$ và $\frac{11}{36}$ sẽ gọn hơn

cách chọn 12×36 là MSC. Như vậy, HS chỉ cần làm phần b) như sau :

$$\frac{5}{12} = \frac{5 \times 3}{12 \times 3} = \frac{15}{36} ; \text{ giữ nguyên } \frac{11}{36}.$$

Bài 4 : Khi chữa bài nên cho HS nêu cách so sánh hai phân số có cùng mẫu số hoặc không cùng mẫu số ; hai phân số có tử số bằng nhau.

Bài 5 : Cho HS tự làm bài rồi chữa bài. HS có thể nêu các cách khác nhau để tìm phân số thích hợp, chẳng hạn có thể làm bài như sau :

Trên hình vẽ ta thấy đoạn thẳng từ vạch 0 đến vạch 1 được chia thành 6 phần bằng nhau, vạch $\frac{1}{3}$ ứng với phân số $\frac{2}{6}$, vạch $\frac{2}{3}$ ứng với phân số $\frac{4}{6}$, vạch ở giữa

$\frac{2}{6}$ và $\frac{4}{6}$ ứng với phân số $\frac{3}{6}$ hoặc phân số $\frac{1}{2}$. Vậy phân số thích hợp để viết vào

vạch ở giữa $\frac{1}{3}$ và $\frac{2}{3}$ trên tia số là $\frac{3}{6}$ hoặc $\frac{1}{2}$.